

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

KỸ THUẬT NUÔI TRỒNG
GIỒNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
ỨNG DỤNG KỸ THUẬT TIẾN BỘ PHÁT TRIỂN



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**KỸ THUẬT NUÔI TRỒNG
GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
ỨNG DỤNG KỸ THUẬT TIẾN BỘ PHÁT TRIỂN**

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

HÀ NỘI - 2002

Phần I

MỘT SỐ GIỐNG LÚA VÀ KỸ THUẬT CANH TÁC

GIỐNG LÚA NẾP N97

1. Nguồn gốc

Giống nếp 97 do Bộ môn nghiên cứu chọn tạo giống lúa, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam lai tạo từ tổ hợp: *Nếp 87 / Nếp 415*.

2. Đặc điểm sinh học

Giống nếp 97 có thời gian sinh trưởng vụ mùa 108 - 113 ngày, vụ xuân muộn: 125 - 130 ngày. Cây cao 90 cm, cứng cây, chống đổ tốt, kháng bệnh đạo ôn, khô vằn, bạc lá như nếp 87, đẻ nhánh khỏe, bông dài, số hạt: 170 - 220 hạt/bông, trọng lượng: 25 - 26 g/ 1000 hạt, xòai dẻo ngon hơn nếp 87. Năng suất trung bình 6 -7 tấn/ ha, thâm canh tốt đạt 8 tấn/ ha/ vụ, đặc biệt có vùng đạt năng suất 12 tấn/ha. Năng suất cao hơn nếp 87 từ 10 - 20%.

3. Quy trình kỹ thuật gieo cấy

a. Thời vụ gieo và cấy

- Vụ xuân: xuân muộn gieo 25/1 - 5/2. Chú ý mạ được tăng cường bón phân ủ mục, hạn chế bón đạm để tăng sức chống rét cho mạ, cấy sau lập xuân. Làm mạ sên che phủ chống rét, cấy khi mạ 18-20 ngày tuổi.

- Vụ mùa bố trí mùa sớm và mùa trung, thời gian gieo từ 6/6 - 30/6, tuổi mạ 16 - 20 ngày.

b. Kỹ thuật chăm sóc: Cấy mật độ: 45 -50 khóm/m², mỗi khóm 2 -3 dảnh.

- Lượng phân bón cho một sào(360 m²): Phân chuồng: 400 - 500 kg, đạm: 8 - 10 kg, lân: 15 - 20 kg, kali: 6 - 8 kg.

- Cách bón: Nền bón nặng đầu nhẹ cuối, bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 30% đạm + 30% kali trước khi bừa cấy,

+ Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 7 - 25 ngày tùy theo vụ và thời tiết) 60% đạm + 30% kali, kết hợp làm cỏ sục bùn lần 1. Làm cỏ lần 2 sau lần 1 là 15 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vực (cỏ kê).

+ Bón đón đồng trước khi lúa trổ 25-30 ngày: 10% đạm và 40% kali còn lại.

- Giống nếp N97 thích hợp chân đất cao và vùn cao, ruộng chủ động tưới tiêu. Chế độ tưới nước, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh như các giống ngắn ngày khác.

GIỐNG LÚA BM9820

1. Nguồn gốc

Giống BM9820 do Bộ môn nghiên cứu chọn tạo giống lúa Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam lai tạo từ tổ hợp lai Q5/ BL1.

2. Đặc điểm sinh học

- Thời gian sinh trưởng vụ mùa 110-115 ngày, vụ xuân muộn 135-140 ngày.

- Cây cao 100 cm.

- Cứng cây, chống đổ, kháng bệnh khô vằn, bạc lá và kháng rầy nâu khá.

- BM9820 có bông dài, có 170 - 250 hạt chắc /bông. Trọng lượng 1000 hạt: 25 gam, cơm ngon hơn Q5.

- BM9820 có năng suất trung bình 70 tạ/ha/vụ, thâm canh tốt đạt 80 -90 tạ/ha/vụ. Đặc biệt có nơi cho năng suất 12,5 tấn/ha.

3. Quy trình kỹ thuật gieo cấy

a. Thời vụ

- Vụ xuân: Xuân muộn gieo từ 25/1 đến 5/2. Cấy sau lập xuân (4/2), đối với mạ được cấy sớm kết thúc sớm tránh

mạ già, mạ sên cấy tuổi mạ 18 - 22 ngày, cấy xong trước 28/2.

- Vụ mùa: gieo trà mùa sớm hoặc mùa trung, gieo từ 6/6 đến 25/6, cấy khi tuổi mạ 16 đến 20 ngày.

b. Kỹ thuật chăm sóc

- Cấy mật độ 50 - 55 khóm/m², mỗi khóm 3 - 4 dảnh.

- Lượng phân bón cho 1 sào(360 m²): Phân chuồng 400 - 500 kg, đạm: 9 - 10 kg, lân: 15 - 20 kg, kali: 7 - 8 kg.

- Cách bón: Nền bón nặng đầu nhẹ cuối, bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 50% đạm + 30% kali trước khi bừa cấy.

+ Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 10 - 15 ngày) 50% đạm + 20% kali kết hợp làm cỏ sục bùn lần 1. Làm cỏ lần 2 sau lần 1 từ 15 - 20 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vực (cỏ kê).

+ Bón đón đòng trước khi trổ 30 ngày: số kali còn lại (50% lượng kali).

- Giống BM9820 cấy được trên đất cao, vùn cao ruộng chủ động tưới tiêu.

- Chăm sóc: Quản lý nước tốt, làm cỏ bón thúc kịp thời. Chú ý phát hiện kịp thời sâu bệnh, bọ trĩ lúc lúa mới cấy, rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá để phòng trừ tốt.

GIỐNG LÚA NGẮN NGÀY AYT 77

1. Nguồn gốc

Giống lúa AYT 77 do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo, được công nhận giống Khu vực hoá năm 2000.

2. Đặc điểm sinh học

- Giống lúa AYT 77 có thời gian sinh trưởng vụ mùa 95 -105 ngày, vụ xuân muộn 130 -135 ngày.
- Giống lúa AYT 77 cao 100 - 105 cm.
- Giống lúa AYT 77 có khả năng thích ứng rộng, chống chịu rầy nâu, bạc lá, đạo ôn khá.
- Giống lúa AYT 77 có bông to trung bình, có 130 - 150 hạt /bông. Trọng lượng 1000 hạt: 19 - 20 gam, gạo trắng, cơm ngon.
- Giống lúa AYT 77 có năng suất trung bình 55 -60 tạ/ha/vụ.

3. Quy trình kỹ thuật gieo cấy

a. Thời vụ

- Vụ xuân: Xuân muộn gieo từ 25/1 đến 5/2, đối với mạ được cấy kết thúc sớm tránh mạ già, mạ sâu cấy tuổi mạ 18 - 22 ngày, cấy xong trước 28/2.

- Vụ mùa: Gieo trà mùa sớm hoặc mùa trung, gieo từ 1/6 đến 25/6, cấy khi mạ từ 16 - 18 ngày tuổi.

b. Kỹ thuật chăm sóc

- Cấy mật độ 45 - 55 khóm/m², mỗi khóm 2 - 3 dảnh cơ bản.

- Lượng phân bón cho 1 sào (360 m²): Phân chuồng 350 - 400 kg, đạm: 6 - 7 kg, lân: 15 - 20 kg, kali: 4 - 5 kg.

- Cách bón: Nền bón nặng đầu nhẹ cuối, bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 50% đạm trước khi bừa cấy.

+ Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 7 - 15 ngày) 50% đạm + 50% kali kết hợp làm cỏ sục bùn lần 1. Làm cỏ lần 2 sau lần 1 từ 15 - 20 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vực (cỏ kê).

+ Bón đón đòng trước khi trổ 25 ngày: số kali còn lại (50% lượng kali).

- Giống lúa AYT 77 cấy được trên đất cao, vùn cao ruộng chủ động tưới tiêu.

- Chăm sóc: Quản lý nước tốt, làm cỏ bón thúc kịp thời. Chú ý phát hiện kịp thời sâu bệnh, bọ trĩ lúc lúa mới cấy, rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá để phòng trừ tốt.

GIỐNG LÚA Xi23

1. Nguồn gốc

Giống lúa Xi 23 do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn từ tập đoàn giống chống bạc lá của Viện lúa quốc tế(IRRI) năm 1995. Đây là giống chịu thâm canh khá, chống chịu tốt với một số loại sâu bệnh như đạo ôn, bạc lá và rầy nâu. Gieo cấy được cả hai vụ trong năm (xuân sớm, mùa trung). Giống được bộ NN & PTNT công nhận là giống Quốc gia.

2. Đặc điểm sinh học

- Thời gian sinh trưởng vụ mùa 130-135ngày, vụ xuân 180-190 ngày.
- Cây cao 100 -110 cm, đẻ nhánh trung bình.
- Trọng lượng 1000 hạt: 25-26 gam, cơm ngon.
- Giống lúa Xi 23 có năng suất trung bình 55 tạ/ha/vụ, thâm canh tốt đạt 70 tạ/ha/vụ.

3. Quy trình kỹ thuật gieo cấy

a. Thời vụ

- Vụ xuân: Xuân sớm gieo từ 15/11 đến 22/11, cấy trước tết âm lịch khi mạ có 5-6 lá.

- Vụ mùa: Gieo trà mùa trung, gieo từ 10-15/6, cấy khi tuổi mạ 20-25 ngày.

b. Kỹ thuật chăm sóc

- Cây mật độ 45-50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh.

- Lượng phân bón cho 1 sào (360 m²): Phân chuồng 400 - 500 kg, đạm: 6-8 kg, lân: 15 - 20 kg, kali 5-7 kg.

- Cách bón: Nên bón nặng đầu nhẹ cuối, bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 50% đạm + 30% kali trước khi bừa cấy.

+ Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 10 - 15 ngày) 50% đạm + 20% kali kết hợp làm cỏ sục bùn lần 1. Làm cỏ lần 2 sau lần 1 từ 15 - 20 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vệt (cỏ kê).

+ Bón đón đòng trước khi trổ 30 ngày: số kali còn lại (50% lượng kali).

- Chăm sóc: Quản lý nước tốt, làm cỏ bón thúc kịp thời. Chú ý phát hiện kịp thời sâu bệnh, bọ trĩ lúc lúa mới cấy, rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá để phòng trừ tốt.

GIỐNG LÚA ĐV108

1. Nguồn gốc

Giống lúa ĐV 108 là giống lúa thuần được nhập từ Trung Quốc.

2. Đặc điểm sinh học

- Thời gian sinh trưởng vụ mùa 100 - 105 ngày, vụ xuân muộn 110 - 120 ngày.

- Cao cây 90 - 95 cm, cứng cây hơn giống Khang Dân, khả năng chống chịu khá với một số loại sâu bệnh hại chính.

- ĐV108 có năng suất trung bình 55 - 60 tạ/ha/vụ, cấy được cả 2 vụ.

3. Quy trình kỹ thuật gieo cấy

a. Thời vụ gieo và cấy

- Vụ xuân: Xuân muộn gieo từ 20/1 đến 5/2, cấy khi mạ được 4-5 lá. Cấy sau lập Xuân, đối với mạ được cần cấy kết thúc sớm tránh mạ già, mạ sên cấy tuổi mạ 18 - 22 ngày.

- Vụ mùa: Gieo trà mùa sớm hoặc mùa trung, gieo từ 5/6 đến 15/6, cấy khi tuổi mạ 14 - 16 ngày.

b. Kỹ thuật chăm sóc

- Cấy mật độ 45 - 50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh.

- Lượng phân bón cho 1 sào: Phân chuồng 300 - 400 kg, đạm 7 - 10 kg, lân 15 - 20 kg, kali 6 - 7 kg

- Cách bón: Nền bón nặng đầu nhẹ cuối, bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 10 -15 ngày) 50% đạm + 20% kali kết hợp làm cỏ sục bùn lần 1. Làm cỏ lần 2 sau lần 1 từ 15 -20 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vực (cỏ kê).

+ Bón đón đồng trước khi trổ 30 ngày: số kali còn lại (50% lượng kali).

- Chăm sóc: Quản lý nước tốt, làm cỏ bón thúc kịp thời. Chú ý phát hiện kịp thời sâu bệnh, bọ trĩ lúc lúa mới cấy, rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá để phòng trừ tốt.

Phần II

MỘT GIỐNG CÂY MÀU VÀ KỸ THUẬT CANH TÁC

KHOAI TÂY LAI ĐỜI C₁

Khoai tây lai đời C₁ trồng bằng củ giống thu hoạch từ đời C₀, (cây trồng bằng hạt lai), thường thể hiện ưu thế lai rõ rệt như cây cao, sinh trưởng khoẻ, phân cành nhiều, tiềm năng năng suất cao, bình quân từ 20 đến 25 tấn/ha. Với các điều kiện thâm canh, có thể đạt 30 tấn/ha. Khoai tây lai đời C₁ thường cho củ có phẩm chất khá tốt, chống chịu bệnh mốc sương tốt, tương đối ít bệnh virus.

1. Thời vụ trồng

Vụ Đông ở Đồng bằng Bắc bộ, Đồng bằng Trung bộ và vùng núi thấp ở phía Bắc, thường trồng từ 25 tháng 10 đến 15 tháng 11 hàng năm, thu hoạch từ 25 tháng 1 đến 15 tháng 2. Vùng núi cao từ 1000m đến 1500m so với mặt biển có thể trồng 2 vụ: Vụ Thu Đông trồng từ tháng 9 đến tháng 12, vụ Xuân Hè trồng từ tháng 2 đến tháng 5.

2. Làm đất và trồng

Đất trồng cần được cày bừa đập nhỏ, rồi lên luống, luống kép rộng 1,2m đến 1,4m và trồng 2 hàng, hoặc lên luống đơn rộng 0,8m trồng 1 hàng. Mật độ trồng từ 5 đến 6 khóm (củ giống)/m². Lượng củ giống cho 1 ha từ 600 - 800kg (với cỡ củ giống nhỏ từ 60-80 củ/kg).

3. Phân bón: tính cho 1 ha:

Phân chuồng	25 đến 30 tấn
Đạm ure	250 đến 300 kg
Supe lân	250 đến 300kg
Kali sulfat hoặc Kali clorua	250 đến 300 kg

Cách bón:

Bón lót toàn bộ phân chuồng, phân lân, 1/2 đạm và 1/2 kali.

Bón thúc: 1/2 đạm, 1/2 kali vào thời kỳ sau khi trồng từ 20 đến 25 ngày, kết hợp bón thúc với vun xới đợt 1.

Chăm sóc:

- Sau trồng từ 12-15 ngày, trong điều kiện đất đủ ẩm, cây thường mọc đều. Nếu đất khô, phải tưới rãnh để khoai mọc nhanh. Khi cây mọc đều bón thúc lượng đạm và kali còn lại kết hợp với vun lần 1.

- Sau trồng từ 30-35 ngày tiến hành vun xới đợt 2, cần phải lên luống cao. Khoai tây lai có tia củ phát triển mạnh

nên cần vun sớm để tia củ không phát triển thành cành làm giảm năng suất.

- Luôn luôn giữ độ ẩm của đất ở mức trung bình là 80% sức giữ ẩm tối đa đồng ruộng bằng cách tưới rãnh ngập 2/3 luống, cho đất ngấm đủ ẩm, rồi tháo sạch nước ở rãnh luống. Trước khi thu hoạch 20 ngày không tưới nước, nếu mưa phải khơi thoát hết nước.

5. Phòng trừ sâu bệnh

Trừ nhện bằng thuốc Kelthane 0,3% hoặc Daniton 0,3%, trừ sâu rệp bằng Ofatox hoặc Sumicidin 0,3%

6. Thu hoạch, bảo quản giống

Khi thân và lá cây ngả màu vàng là thu hoạch. Cần tiến hành thu hoạch vào những ngày trời nắng hoặc tạnh ráo. Củ to thường dùng làm khoai ăn, củ nhỏ từ 10 - 30 g/củ có thể được dùng làm củ giống, nhưng tốt nhất là sử dụng làm thức ăn gia súc. Chỉ sử dụng vụ thu hoạch đời Co làm giống. Giàn khoai giống cần phải được để ở nơi thoáng mát, có ánh sáng, nhưng phải tránh ánh nắng trực tiếp và tránh mưa hắt. Thường xuyên phòng trừ gián và chuột, nếu có rệp hoặc các sâu hại khác, cần phun thuốc Bassa, Sumicidin 20 ND 0,3 - 0,4%, Polyttrin P440 EC0.2 đến 0,3%, Selecron 0,3%.

Chú ý: Nếu bảo quản khoai ăn, cần phải che đậy để cho khoai không có ánh sáng lọt vào, tránh cho khoai không bị xanh vỏ.

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK06

1. Nguồn gốc và hướng áp dụng

- Giống đậu tương AK06 được trung tâm nghiên cứu thực nghiệm đậu đỗ, Viện KHKTNNVN chọn lọc từ nguồn vật liệu do trường đại học Nông nghiệp I cung cấp có ký hiệu là D55.

- Giống đậu tương AK06 có thể đưa vào cơ cấu cây trồng cho cả 3 vụ/năm (vụ xuân, vụ hè, vụ đông) ở các tỉnh Miền Bắc.

2. Đặc điểm hình thái

- Cây cao trung bình 40 - 60cm tùy theo thời vụ. Hoa trắng, độ phân cành vừa phải, bộ lá gọn, hạt vàng sáng, to không nứt, rốn hạt màu vàng trắng, trọng lượng 1000 hạt từ 165 - 180 g.

3. Đặc tính nông học

- Thời gian sinh trưởng: Vụ xuân và vụ hè từ 90 - 95 ngày, vụ đông từ 85 - 90 ngày. Tập tính sinh trưởng: hữu hạn, phản ứng trung tính với quang chu kỳ. Năng suất 17 - 25 tạ/ha. Tiềm năng năng suất 30 tạ/ha.

- Khả năng chống chịu: Chịu nhiệt, lạnh, hạn khá. Kháng bệnh đốm nâu, virus ở vụ hè, bệnh rỉ sắt, lở cổ rễ ở vụ xuân và đông. Có khả năng cố định đạm cao, dễ để giống.

4. Quy trình kỹ thuật gieo trồng

- Đất: Chọn đất pha cát, thịt nhẹ, chủ động tưới tiêu, pH = 5,5 - 7

- Thời vụ: Vụ xuân gieo từ 15/2-10/3, vụ hè gieo 15/6-30/6, vụ thu đông gieo 25/8-5/10

- Mật độ: Vụ xuân và hè 30 - 35 cây/m² (40 - 45x12x2 hạt), vụ đông 35 - 40 cây/m² (40 - 45x10 x2 hạt)

- Phân bón: Phân chuồng 250 - 300 kg, đạm ure 3 kg, lân supe 12 kg, kali 2 kg cho một sào Bắc bộ (360m²)

- Cách bón: Toàn bộ phân chuồng, lân, 1/2 đạm và kali bón lót vào rạch, số còn lại bón thúc lúc cây 4-5 lá. Trước khi gieo hạt cần lấp nhẹ đất lên phân lót, tránh để hạt giống tiếp xúc trực tiếp lên phân.

- Chăm sóc: Xới xáo 2-3 lần từ lúc 2 lá thật, vun gốc lúc 4-5 lá thật. Bấm ngọn lúc cây có 5-6 lá thật, áp dụng cho vụ hè nếu cây quá tốt, tăng năng suất.

- Phòng trừ sâu bệnh: Chú ý phòng trừ dòi đục lá, dòi đục quả, sâu cuốn lá, sâu khoang, rệp, sâu đục quả bằng Ofatox, Sumicidin, bột xít bằng Bassa 0,1% + Dipterex.

+ Nếu phun định kỳ lúc cây 2 lá đơn, 4-5 lá thật trước khi ra hoa, khi tắt hoa làm quá. Phun thuốc tiến hành lúc chiều mát, không phun buổi sáng để gây xoắn lá hoặc cháy lá.

+ Bón phân qua lá: Dùng phế phẩm Vilado Komix hoặc một số phế phẩm khác hoà lẫn thuốc sâu phun trước ra hoa và khi quả vào chắc.

- Thu hoạch khi 2/3 số quả già chuyển sang màu vàng sẫm (khô). Chọn thời tiết nắng ráo để thu hoạch, phơi, đập lấy hạt. Hạt để giống không được phơi trực tiếp lên sân gạch, xi măng. Phơi xong để hạt nguội mới cho vào bao để bảo quản.

Phần III

MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ VÀ KỸ THUẬT TRỒNG

NHỮNG ĐIỀU LƯU Ý

Muốn trồng cây ăn quả trong vườn có hiệu quả kinh tế cao cần chú ý:

- Xác định được một số cây ăn quả chính thích hợp với điều kiện địa hình, đất đai, khí hậu của vùng sản xuất. Có giá trị kinh tế cao, mạnh dạn loại bỏ những cây ít thích hợp.

- Chọn được giống tốt, năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu, bệnh và những điều kiện bất thuận.

- Nắm vững kỹ thuật gieo trồng, thâm canh để đạt năng suất cao, bồi dưỡng và bảo vệ đất để sản xuất lâu dài.

- Hiểu biết nắm bắt được nhu cầu của thị trường tiêu thụ, kỹ thuật bảo quản, sơ chế - chế biến sản phẩm.

CÂY NA DAI

1. Nguồn gốc và đặc điểm

- Na là cây xứ nóng, được trồng ở khắp mọi miền đất nước, có khoảng 50 giống na, ở nước ta thường gặp các giống na (na dai, na bờ) măng cầu xiêm, lê, bình bát. .

Na có đặc điểm: Nhị đực, nhị cái ở trên cùng một chùm hoa nhị cái thường chín sớm hơn nhị đực nên thời gian thụ phấn ngắn, không có côn trùng hoặc thụ phấn bổ sung, na đậu quả kém. Mùa hoa nở nếu gặp hạn nhiệt độ thấp mưa nhiều cũng đậu quả không tốt. Từ nở hoa đến quả chín 90-100 ngày. Na kém chịu rét.

2. Kỹ thuật trồng và chăm sóc

a. Nhân giống

Có thể nhân giống na dai bằng các cách sau:

- *Gieo hạt*: Chọn quả to, ngon, chính vụ ở cây sai quả, quả ở ngoài tán. Trước khi gieo đập nhẹ cho nứt vỏ hoặc xát trong túi cát cho mỏng vỏ.

- Ghép mắt hoặc ghép cành, cây mau ra quả và đồng đều hơn.

b. Thời vụ trồng

Trồng na vào mùa xuân(tháng 2-3), mùa thu (tháng 8-9).

c. Kỹ thuật trồng

- Đào hố sâu và rộng 50 cm, khoảng cách hố 3 x 3m để riêng lớp đất mặt. Bón lót mỗi hố 15-20 kg phân chuồng cộng 2,5 kg lân cộng 0,5 kg Kali trộn đều với lớp đất mặt, cho vào hố trước khi trồng. Hàng năm bón phân theo tuổi cây.

- Phân bón: Lượng phân bón cho một cây một năm

Tuổi của cây(năm)	Phân chuồng (kg)	Đạm (kg)	Lân(kg)	Kali(kg)
1-4	15-20	0,7	0,4	0,3
5-8	20-25	1,5	0,7	0,6
>8	30-40	1,7	0,8	0,8

Bón làm 3 đợt trong năm:

- Đón hoa (tháng 2-3)
- Nuôi cành, nuôi quả(tháng 6-7)
- Bón thúc kết hợp vun gốc(tháng 10-11)
- Thu quả vào tháng 6-7-8, thu nhiều đợt, chọn quả có màu vàng xanh, đã mở mắt, cắt quả kèm đoạn cành.

CÂY HỒNG NHÂN HẬU

1. Chọn vùng

- Vùng trồng Hồng phải có mùa đông lạnh, nhiệt độ trung bình thấp trong tháng 12 và tháng 1 từ 8-13°C, ít gió và bão, mưa đá.

2. Chọn đất

- Đất trồng Hồng có tầng canh tác trên 40cm, mực nước ngầm sâu dưới 1m, không bị ngập úng, độ pH từ 5-6.

3. Chọn giống

- Hồng có thể đẻ giống bằng cách chiết, ghép hoặc đẻ giống bằng hạt. Để giống bằng hạt chọn quả to từ 100-500g, có 1 đến 2 hạt (không có hạt quả sẽ hay rụng và kém ngọt).

- Trồng trên đất đồi, núi các giống phải được ghép trên cây gốc ghép hồng quả tròn, lá nhẵn, có chiều cao cành ghép từ 30 cm và đường kính lá cành ghép từ 0,5cm trở lên không bị đốm đen trên vỏ cành.

4. Kỹ thuật trồng

a. Đào hố

- Hàng cách hàng 5-6 m, cây cách cây 4-5 m. Kích thước hố càng to, càng sâu càng tốt. Tối thiểu 80 x80 x80cm, vùng đồi núi tùy thuộc địa hình có thể trồng thưa hơn.

- Bón phân lót: Xác thực vật khô (rơm, rạ, cỏ, lá cây...) và đất trộn lẫn hoặc từng lớp chồng lên nhau (xác thực vật- đất- xác thực vật- đất) chát đáy hố, cao hơn mặt đất 10-15 cm. Khi lấp đến 1/2 hố thì trộn thêm 1kg lân, 0,5 kg kali, 50kg phân chuồng hoai mục. Hố phải chuẩn bị xong trước khi trồng từ 2-3 tháng.

b. Trồng cây

- Cây ghép rễ trần tháng 12- tháng 1, trước立春, khi lá đã rụng hết, chưa bật lộc non (nếu trồng cây ghép trong bầu, có thể sớm hoặc muộn hơn) dùng cuốc hoặc thuổng moi một hố nhỏ vừa đủ, đặt bộ rễ cây hồng vào, lấp đất nhỏ bùn ao khô ải có trộn phân chuồng hoai mục, phân đều bộ rễ cho tiếp xúc với đất (không được để rễ nằm trong khoảng không của kẽ đất).

- Khi trồng xong, mặt hố xung quanh gốc hồng hơi lõm xuống để giữ nước nhưng vết ghép phải luôn luôn cao hơn mặt đất 10-15 cm.

- Từ gốc bằng xác thực vật khô, cắm que cố định, cây cho cành ghép thẳng đứng, cắt ngang cành ghép cách chỗ

ghép 30 cm để tạo 2-3 cành cấp 1 cho tán cây hồng về sau. Tuổi thật đậm (40-50lít nước cho một cây lần đầu sau khi trồng và tủ gốc xong). Thường xuyên giữ ẩm cho cây khi còn nhỏ bằng cách tủ gốc và tưới nhẹ.

5. Bón phân

- Sau tiết lập xuân, cây hồng nảy lộc. Thời kỳ cây nhỏ mới trồng có thể tưới nước phân chuồng hoặc đạm pha loãng. Sau khi trồng 2 năm, cây bắt đầu ra hoa, cho quả.

Bón thúc hàng năm chia làm 2 lần:

Lần 1 sau khi thu hoạch(tháng 12: 70% lượng phân)

Lần 2 nuôi quả(tháng 6: 30% lượng phân)

Tuổi cây	Lượng phân bón(g/cây)		
	U rê	Supe lân	Sunphat, Kali
6-7	150	200	120
8-10	240	350	200
10-20	400	600	350
>20	550-800	800-1000	500-800

Phân chuồng 2 năm, một lần 50 -100kg.

Cách bón:

- Đào hố sâu 30-40 cm theo hình chiếu thẳng mép tán cây. Trộn các loại phân với đất nhỏ, bón vào hố, lấp đất kín phân.

6. Phòng trừ sâu bệnh

- Sâu hại Hồng chủ yếu là sâu ăn lá và ăn búp non. Phun trừ bằng thuốc Padan, Basudin hoặc Trebon pha 0,1% (10-12 cc/ 1 bình 10 lít) phun vào chiều mát.

- Bệnh hại Hồng chủ yếu là bệnh đốm lá, đốm thân. Có thể phun phòng trừ bằng thuốc Kasuran (có chứa đồng) pha 0,1 -0,12% phun, chú ý mặt dưới lá.

CÂY MẮC MẬT

1. Giới thiệu

- Cây mắc mật chỉ có ở một số tỉnh miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn. Cây thường có ở khu vực núi đá, quả cây mắc mật hiện nay chủ yếu được dùng trong chế biến gia vị trong sản xuất hàng thực phẩm và đặc biệt là nhân dân ta thu hái đem bán sang Trung quốc, cây có giá trị kinh tế tương đối cao.

2. Nhân giống

- Cây mắc mật hiện chỉ có thể nhân giống bằng hạt, chọn chùm quả to đều, chín chính vụ (khi quả có màu nâu vàng là quả chín) làm giống. Tách vỏ, lấy hạt phơi khô, bảo quản đến mùa xuân đem gieo. Mỗi quả thường có 1-2 hạt.

- Khi cây con được 8-12 tháng tuổi thì có thể trồng được, lúc này cây cao 25-30cm.

3. Kỹ thuật trồng

- Cây mắc mật có thể trồng trong mùa xuân (tháng 2-3) hoặc mùa thu (tháng 8-9).

+ Đào hố sâu 40 cm rộng 50 cm, khoảng cách từ 4-5m.

+ Bón lót mỗi hố 15 -20 kg phân chuồng + 95 kg lân + 0,5 kg kali trộn đều với lớp đất mặt hố. Sau khi cấp thêm đất, trồng cây xuống sao cho mặt đất ngang bằng với bầu của cây con. Tưới đậm nước, mỗi hố từ 15 -20 lít, tưới ngày một lần trong vòng 1 tuần đến 2 tuần tùy thời tiết.

+ Lượng phân bón cho 1 cây mắc mật hàng năm theo độ tuổi của cây:

Tuổi cây (năm)	Phân chuồng	đạm (kg)	Lân (kg)	Kali (kg)
1-5	15-20 kg	0,7	0,4	0,3
6-9	20 -25	1,5	0,8	0,8
10-15	25-35	1,8	0,9	0,9
>15	25-35	2	1	1

+ Một năm chia 2 lần chăm bón: sau thu hoạch và mùa xuân

4. Thu hoạch

- Khi quả có màu nâu vàng là quả đã chín. Nên thu hái vào buổi chiều mát, chỉ ngắt quả và cuống, không được bẻ cành mang quả vì sẽ ảnh hưởng đến sức sinh trưởng và phát triển của cây.

- Quả sau khi thu hoạch có thể bán tươi hoặc sấy khô.

5. Phòng trừ sâu bệnh hại

- Cây mắc mật chủ yếu bị sâu ăn lá và búp non. Phun trừ bằng thuốc Padan hoặc Trebon.

Phần IV

CÁC GIỐNG VẬT NUÔI VÀ KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC

GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA

1. Giới thiệu

- Giống gà thịt lông màu thả vườn Lương Phượng Hoa nhập từ Trung Quốc có đặc điểm về màu lông, da, chân, mào, thịt chắc ngon giống như gà ri pha của ta, nhưng tăng trọng và cho thịt gần gấp 2 lần gà ri cùng lứa tuổi giết thịt.

- Gà nuôi thịt: Nếu nuôi chăn thả 110-120 ngày tuổi đạt bình quân 2,5kg/con. Chi phí thức ăn 2,7-2,8 kg thức ăn/kg thịt hơi. Nếu nuôi nhốt (nuôi công nghiệp) để đạt trọng lượng trên chỉ cần 90 ngày tuổi, chi phí thức ăn là 2,7 kg thức ăn/ kg thịt hơi. Nuôi sống 96-97%.

- Gà đẻ trứng: Sản lượng trứng đạt 167-170 quả /năm/1 con gà mái. Trọng lượng trứng đến 48-50 kg. Tỷ lệ nở 90-95%.

- Gà Lương Phượng Hoa có sức kháng bệnh tốt, ít mắc bệnh nguy hiểm. Nuôi sống cao.

2. Thức ăn và dinh dưỡng

Gợi ý tiêu chuẩn khẩu phần thức ăn cho gà Lương Phượng Hoa thả vườn như sau:

Tên nguyên liệu thức ăn tính theo kg hoặc %	Gà con từ 0-6 tháng tuổi	Gà giò từ 7-18 tháng tuổi	Gà đẻ từ 19-72 tháng tuổi
Ngô vàng hoặc đỏ	53,3	40	50,6
Bột sắn hoặc khoai	5,0	15,0	10
Cám gạo hoặc mỳ loại 1, loại 2	10	25,3	12
Khô đậu tương hoặc khô lạc tốt	12	10	12,7
Bột đậu tương rang	10	5	2
Bột cá hoặc nhộng tằm	6	3	5

Gà thịt và gà hậu bị gây giống đều ăn công thức trên. Có thể sử dụng thức ăn Proconco, CP- Group, Cargill... pha chế theo hướng dẫn. Riêng gà hậu bị làm giống bố mẹ từ 7-8 tháng tuổi phải ăn hạn chế (giảm 30-35% thức ăn) để chống béo sớm, gà đẻ tốt sau này.

- Thức ăn phải thơm ngon, không mốc, không đóng vón, thức ăn được bảo quản nơi khô ráo, tránh chuột bọ.

- Nước uống trong sạch từ nguồn nước máy, nước giếng khoan hoặc nước lọc.

3. Nuôi dưỡng chăm sóc và phòng bệnh

- Chuồng trại sau khi nuôi gà phải được dọn rửa sạch sẽ, quét nước vôi tôi. Phun Formol 2% hoặc thuốc sát trùng khác. Để trống chuồng ít nhất 15 ngày mới nuôi đàn mới.

- Chuồng nuôi gà thoáng mát mùa hè, ấm áp thông khí mùa đông, có rãnh thoát nước nhanh. Cửa chuồng có hố đựng chất sát trùng như vôi bột, thuốc Crezin 3%.

- Dụng cụ chăn nuôi định kỳ rửa sạch, phơi khô mới dùng.

- Người nuôi phải mặc quần áo, đi giày, dép chuyên của nhà nuôi gà.

- Người không có trách nhiệm chăn nuôi không được vào nhà đang nuôi gà.

- Gà con mới nở được úm trong quây trên nền lót trấu hoặc dăm bào, có chụp sưởi, cứ 1 bóng 100w/50 gà con. Úm trong 3-4 tuần tuổi đầu.

- Thay nước uống và cọ rửa máng uống 4-5 lần/ngày. Nước uống tự do, đầy đủ.

- Thức ăn trong máng phải thường xuyên kiểm tra để loại rác và phân gà.

- Gà con 0-6 tuần tuổi cho ăn tự do cả ngày lẫn đêm, sau đó chỉ cho ăn ban ngày.

- Gà con 4-5 tuần tuổi vào mùa nóng có thể thả ra vườn, đồi, ruộng,.... cho gà tự kiếm ăn, vào mùa đông thì sau 5-6

tuần tuổi mới chăn thả... Vận chuyển gà đi chăn xa bằng phương tiện thô sơ

- Thường xuyên phải theo dõi tình trạng sức khoẻ, bệnh tật đàn gà để chữa trị kịp thời

- Triệt để tuân thủ lịch phòng vaccin, thuốc phòng bệnh dưới đây:

Lịch dùng thuốc phòng bệnh

Ngày tuổi	Loại thuốc dùng	Cách dùng	Phòng loại bệnh
1	Vaccin Marek	Tiêm dưới da	Marek (khối u)
3-5	Fural, Solminvit	Hoà nước uống	Tăng đề kháng
	Tylosin, hoặc Farmacin...	Hoà nước uống	Phòng bệnh hô hấp, CDR
7	Vaccin Lasota	Nhỏ mắt, mũi	Gà rù (Newcatxon)
	Vaccin đậu gà	Chứng màng cánh	Gà đậu
10	Vaccin Gumboro	Nhỏ mắt mũi	Gumboro
	Furazolidon, Cocsotop...	Trộn vào thức ăn	Cầu trùng
21	Vaccin Lasota	Nhỏ mắt mũi	Gà rù (Newcabxon)
	Anticoc...	Hoà nước uống	Bệnh hô hấp, CDR

LỢN NÁI MÓNG CÁI

1. Giới thiệu

- Lợn Móng Cái là giống lợn lang, bụng trắng, bốn chân trắng, giữa trán có 1 dấu chấm hình quả trám và túm lông trắng. Ở vùng vai có một vành lông trắng vắt qua vai tạo cho vùng đen trên lưng có hình một cái yên ngựa.

- Lợn Móng Cái có 3 dòng: xương nhỏ, xương nhỏ và xương to. Dạng xương nhỏ như lợn Lang Hồng Hà Bắc, lợn Lang Bắc Thái có rất ít. Dòng xương nhỏ được nuôi rất rộng rãi, dòng xương to lưng thẳng, mồm dài, tai to cúp về phía trước và thường có 14 - 16 vú, năng suất sinh sản cao nhất (giống lợn Móng Cái cái tiến). Lợn Móng Cái dùng làm nái nền trong lai tạo với các giống lợn ngoại đã thuần dưỡng (lợn Landrace) để tạo ra đàn lai có nhiều ưu thế về năng suất và phẩm chất thịt.

- Muốn nuôi lợn nái Móng Cái đạt năng suất cao và hiệu quả kinh tế cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

2. Chọn giống gây nái

- Chọn những con lợn cái từ những ổ lợn con của lợn nái Móng Cái cao sản đẻ từ lứa 1 đến lứa 8 và được phối giống với lợn đực đủ tiêu chuẩn giống, có số con cai sữa từ 10 con trở lên, có độ đồng đều cao, trọng lượng cai sữa tối thiểu lúc 60 ngày tuổi đạt 8kg.

- Lợn có ngoại hình đẹp, cân đối, dáng nhanh nhẹn, có ít nhất từ 12 vú trở lên, núm vú rõ, thẳng hàng, khoảng cách đều nhau.

- Lợn có tính phàm ăn, ăn tạp, hiền lành.

3. Phối giống

- Lợn 6 - 7 tháng tuổi đạt trọng lượng từ 45 - 50kg (không nên phối giống cho lợn nái hậu bị có trọng lượng quá nhỏ). Nên phối giống vào lần động dục thứ 2.

- Lợn nái động dục thường đứng nằm không yên, kêu, ăn ít, âm hộ sưng đỏ hồng, thời gian động dục kéo dài từ 4-5 ngày.

- Thời điểm phối giống thích hợp nhất lúc âm hộ chuyển sang màu hồng nhạt tái, có dịch nhờn tiết ra giống như keo chuối.

- Ấn tay lên hông thấy lợn đứng yên, 2 chân sau hơi khuỳnh ra, đuôi quặt sang một bên (lợn mê ì).

- Lợn nái tơ thường phối giống vào chiều ngày thứ 3 và sáng ngày thứ 4 (tính từ lúc bắt đầu động dục).

- Lợn nái đã đẻ nhiều lần thường cho phối giống vào sáng ngày thứ 3 (tính từ lúc bắt đầu động dục).

Tốt nhất nên cho phối 2 lần : Sáng sớm và chiều mát.

4. Nuôi lợn nái Móng Cái có chửa

- Sau khi phối giống 18 -22 ngày không động dục trở lại là lợn nái có chửa.

- Lợn nái có chứa trung bình 114 ngày (3 tháng 3 tuần 3 ngày).

- Lợn nái chứa tùy theo trọng lượng, ngày cho ăn bình thường từ:

- + Lợn chứa kỳ 1: (1 - 85 ngày): 1 - 1,2 kg cám + 3 -4 kg rau xanh

- + Lợn chứa kỳ 2: (86 - 114 ngày): 1,5 - 1,7kg cám + 3- 4 kg rau xanh.

Thức ăn hỗn hợp gồm: Cám gạo, bột ngô: 91%, khô dầu lạc, đậu tương: 5% , bột cá : 3%, Prêmix khoáng: 1%.

Tốt nhất là cho lợn ăn cám sống (không nấu chín), đủ thức ăn giàu đạm động vật.

- Thường xuyên cho uống nước sạch và mát.

5. Chăm sóc lợn nái Móng Cái trước khi đẻ và đẻ

- Trước khi lợn đẻ 5 - 7 ngày cần làm vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

- Nên giảm lượng thức ăn cho lợn nái trước khi đẻ 3 -5 ngày và cho ăn làm nhiều bữa.

- Chỗ lợn đẻ có rơm rạ lót được cắt ngắn 20 - 25 cm.

- Khi lợn sắp đẻ âm hộ sưng, mông mềm (sụt mông) cần ỏ, cào nền chuồng.

- Khi lợn đẻ phải trực đỡ đẻ, lợn con đẻ ra dùng khăn vải mềm sạch lau từ mũi, mồm rồi đến 4 chân, cắt cuống rốn để lại 4 - 5 cm, sát trùng bằng cồn iốt hoặc thuốc đỏ, con to cho bú vú sau.

- Cho lợn mẹ uống nước ấm pha chút muối hoặc cháo loãng có pha muối.

6. Nuôi lợn nái nuôi con

- Ngày đầu sau khi đẻ cho lợn ăn cháo loãng (tốt nhất là nấu chín nhau cho lợn mẹ ăn), sau đó cho lợn mẹ ăn tăng dần.

- Thức ăn cho lợn nái nuôi con có chất lượng tốt, đủ thành phần dinh dưỡng. Cám gạo, bột ngô: 87%, khô dầu đậu tương: 6%, bột cá : 5%, Premix khoáng : 2%.

- Trong 10 - 15 ngày đầu sau khi đẻ không tắm cho lợn, không rửa chuồng, thay rơm rạ, lót chuồng khi bị ẩm, hạn chế dùng kháng sinh để tránh mất sữa.

- Hàng ngày cho ăn thêm rau xanh hoặc cỏ non.

7. Nuôi lợn con theo mẹ

- 10 ngày đầu phải giữ ấm cho lợn con ở nhiệt độ 30-32°C bằng đèn hoặc bếp sưởi. Tập cho lợn con ăn sớm lúc 21 ngày tuổi, có thể dùng hỗn hợp: Cám loại 1 : 16%, bột ngô, gạo rang: 60%, bột đậu tương rang 16%, bột cá nhạt

4%, đường 2%, Prêmix sinh tố 1%, Prêmix khoáng 1% (tốt nhất nên nấu chín và cho ăn loãng).

8. Phòng trị bệnh

- Tiêm phòng 3 loại vacxin dịch tả, tụ huyết trùng, đóng dấu và tẩy giun sán cho lợn mẹ trước khi phối giống.

- Đảm bảo chuồng luôn khô sạch: mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông, nước uống đủ sạch. Tiêm Dextran Fe cho lợn con lúc 1-3 ngày tuổi 1cc/con và 10 - 15 ngày tuổi 1,5 - 2cc/con.

- Tiêm phòng phó thương hàn lợn con lúc 21 ngày tuổi, 40 - 45 ngày tuổi tiêm dịch tả, tụ huyết trùng, đóng dấu.

- Thiến lợn đực con lúc 10 - 20 ngày tuổi.

- Lợn con ỉa phân trắng: Cho lợn con uống nước lá chát, cho lợn mẹ ăn rau dứa nước. Bệnh nặng cho lợn con uống thuốc kháng sinh đặc hiệu theo sự chỉ dẫn của cán bộ thú y.

- Chú ý nên tẩy giun đũa cho lợn con lúc trên 20 ngày tuổi bằng thuốc tẩy: Levasol hoặc Menbendazol theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

GIỐNG LỢN LANDRACE

1. Nguồn gốc

Landrace là giống lợn được nhập nội vào Việt Nam có nguồn gốc từ Châu Âu. Lợn Landrace có nhiều ưu điểm như : Thân hình to lớn, tỷ lệ nạc cao, phàm ăn chóng lớn và thích nghi với điều kiện khí hậu Việt Nam.

2. Vai trò

- Giống Landrace rất quan trọng góp phần nâng cao năng suất và chất lượng thịt, cung cấp nguồn gen cải tạo năng suất và chất lượng đàn lợn như : Tỷ lệ thụ thai, tỷ lệ đẻ, số con sơ sinh. Muốn có lợn đực giống tốt cần phải:

+ Mua lợn ở các trạm, trại của Nhà nước, có chỉ số chọn lọc >100, vận chuyển lợn phải an toàn, chuồng nuôi phải đủ tiêu chuẩn (diện tích 6m²/con, đông ấm, hè mát, sạch khô).

+ Cho lợn đực phối giống khi đã đủ tuổi thành thục về tính (7 - 8 tháng tuổi) và cường độ sử dụng phải khoa học (không quá 2 lần phối /ngày và 7 lần /tuần). Không sử dụng lợn đã qua 4 năm tuổi hoặc lợn đã bị yếu (dưới mức 3).

3. Nuôi dưỡng

- Không nên cho lợn đực ăn tự do, khi nó đạt 80 - 90kg khối lượng thì giảm lượng thức ăn xuống còn 70%. Sau mỗi lần phối cần cho ăn thêm 2 quả trứng và 0.1 - 0,2kg thóc mầm. Tốt nhất là dùng thức ăn tổng hợp cho lợn đực giống. Nếu tự trộn thì theo công thức ở bảng chung. Không để lợn quá béo hoặc quá gầy (trung bình lợn đực giống có khối lượng 80- 90kg ăn 2,27 - 3kg thức ăn tinh/ngày, 14% protein thô).

4. Chăm sóc

+. Chuồng: Đông ấm, hè mát, khô, sạch, có sân vận động.

+. Tắm chải: Cần phải gắn gũi lợn để điều khiển lợn dễ dàng, mùa hè tắm chải 2 lần/ngày, mùa đông lau bằng khăn ẩm, luôn theo dõi sức khỏe của lợn để phát hiện bệnh sớm và chữa bệnh kịp thời.

5. Phòng trị bệnh

- Chú ý tiêm phòng định kỳ các bệnh: Phó thương hàn, tụ huyết trùng, dịch tả..

MỤC LỤC

	Trang
<i>Phần I: Một số giống lúa và kỹ thuật canh tác</i>	3
Giống lúa nếp N97	3
Giống lúa BM9820	5
Giống lúa AYT 77	7
Giống lúa Xi23	9
ĐV108	11
<i>Phần II: Một số giống cây màu</i>	13
Khoai tây lai đời C ₁	13
Giống đậu tương AK06	16
<i>Phần III: Một số giống cây ăn quả</i>	19
Cây Na dai	20
Cây Hồng Nhân hậu	22
Cây Mắc mật	25
<i>Phần IV: Một số giống vật nuôi</i>	28
Gà Lương Phượng Hoa	28
Giống lợn nái Móng Cái	32
Giống lợn Landrace	37

KỸ THUẬT NUÔI TRỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ VĂN THỊNH

Biên tập, sửa chữa bản in

NGUYỄN BÍCH PHUỘNG

Trình bày bìa

TOÀN LINH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 8523887 - 8521940 - 8524501

FAX: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8297157 - 829921

FAX: (08) 9101036

In 1800 bản, khổ 13x19, tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp. Giấy phép xuất bản số 117/1596 do Cục Xuất bản cấp ngày 27/12/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2002.

Giá: 6.000^d